

Bản án số: **40/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/4/2025

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lê Hưng Quang

2. Ông: Nguyễn Trọng Di

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hán Tấn Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Bích Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐ- HPT ngày 06 tháng 03 năm 2025; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 01/2025/QĐ-DS ngày 27/3/2025 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Trước đây ông Nguyễn Bá T với bà Nguyễn Thị H có tình cảm yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 ông Nguyễn Bá T với bà Nguyễn Thị H mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Bình Thuận. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh

tế của gia đình nên đến năm 2022 thì ông Nguyễn Bá T với bà Nguyễn Thị H không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa.

Nay, ông Nguyễn Bá T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà H đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn lại được, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hiện nay ông T cũng không còn tình cảm với bà H nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị H có 03 người con chung tên: Nguyễn Gia T1, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2009; Nguyễn Gia T2, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018. Hiện ông Nguyễn Bá T đang trực tiếp nuôi dưỡng tất cả các con chung.

Khi ly hôn, ông Nguyễn Bá T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tất cả 03 người con chung cho đến khi tất cả các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Thị H không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

\* *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến:*

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao tất cả 03 người con chung cho ông Nguyễn Bá T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi tất cả các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Ông Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Bá T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H; giao cho ông được nuôi dưỡng con chung. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi đăng ký thường trú tại Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nên đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn bà Nguyễn Thị H không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy, ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Bình Thuận, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Nay, ông Nguyễn Bá T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H với lý do trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng ông bà có sự mâu thuẫn trầm trọng đến mức ông T và bà H không còn chung sống trong thời gian dài từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.

Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại địa phương nơi ông T, bà H sinh sống, điều đó thể hiện hôn nhân của ông T và bà H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá T.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị H có 03 người con chung tên: Nguyễn Gia T1, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2009; Nguyễn Gia T2, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập lời khai của cháu Nguyễn Gia T1 và Nguyễn Gia T2, ý kiến các cháu mong muốn được ở với ba (ông Nguyễn Bá T). Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị H không còn sống chung cho đến nay, ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và hiện nay cuộc sống của cháu đang ổn định. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá T, giao tất cả 03 người con cho ông Nguyễn Bá T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi tất cả các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản và nợ chung*: Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đề nghị tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Bá T là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### ***Căn cứ vào:***

-Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Bá T. Ông Nguyễn Bá T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị H có 03 người con chung tên: Nguyễn Gia T1, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2009; Nguyễn Gia T2, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2018.

Giao tất cả 03 người con chung cho ông Nguyễn Bá T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi tất cả các con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Bá T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về án phí: Ông Nguyễn Bá T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng ông Nguyễn Bá T đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007083 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nên tiền án phí sơ thẩm ông Nguyễn Bá T đã nộp đủ.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2025). Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND TT Phan Rí Cửa;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Hải Âu**

